

Biên Hòa, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Số: 1090/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1751/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992

Địa chỉ: K5/19B, khu phố 3, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

- *Bị đơn*: Anh Trần Vũ Th, sinh năm 1991

Địa chỉ: 16/30, khu phố 5, phường N, thành phố B, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 và anh Trần Vũ Th, sinh năm 1991.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992 và anh Trần Vũ Th, sinh năm 1991 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Vũ Th, giao 02 con chung Trần Đình H, sinh ngày 30/12/2015 và cháu Trần Phúc T1, sinh ngày 09/10/2018 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản chị T thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T tự nguyện nộp 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp theo biên lai thu số 0009872 ngày 20/7/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được tính trừ vào án phí chị T phải nộp. Chị T được nhận lại số tiền 150.000đ án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hải Thị Liễu